TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2020/KDTM-ST Ngày 08-12-2020 V/v: "Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Xuân Miện

2. Ông Võ Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vũng tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2020/TLST-KDTM ngày 07 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 10 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐST-KDTM ngày 12 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Dịch vụ DK (OSC);

Địa chỉ: Số 03 đường B, phường 1, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Thái Hồng C – Chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ DK;

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Hồ Xuân S, sinh năm 1982 – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Thương mại - Công ty TNHH MTV Dịch vụ DK (văn bản ủy quyền ngày 16-9-2020), có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng N,

Địa chỉ: Số 108 LK đường Đ, phường V, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Anh T – Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng N, vắng mặt.

3. Người làm chứng: Liên Danh Nhà Thầu KN;

Địa chỉ văn phòng điều hành: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông JSO – Giám đốc dự án;

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Thế V, sinh năm 1994 và bà Đặng Thị Thúy A, sinh năm 1993 (văn bản ủy quyền ngày 02-12-2020);

Địa chỉ liên lạc: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH MTV Dịch vụ DK (viết tắt là OSC) và Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng N (viết tắt là Công ty N) đã ký kết hợp đồng mua bán số 0518/HĐMB-OSC- N ngày 29-5-2018 và Phụ lục số LTRS-SUB -007 KN+ N + OSC ngày 20-6-2018 về việc cung cấp thép xây dựng phục vụ thi công công trình: Lộ Tẻ - Rạch Sỏi. Thông qua hợp đồng mua bán, OSC thực hiện giao hàng có lập biên bản giao nhận hàng hóa cho Công ty N. Sau khi giao hàng, OSC thực hiện xuất hóa đơn và báo nợ để Công ty N thực hiện thanh toán.

Tuy nhiên sau khi nhận hàng Công ty N đã không thực hiện thanh toán cho OSC theo như hợp đồng đã ký kết, vào ngày 20-8-2018 Công ty N thanh toán được 700.000.000đ còn nợ lại 872.960.400 đồng. Sau nhiều lần đề nghị thanh toán ngày 28-2-2020 các bên đã lập Biên bản xác nhận công nợ tại cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa. Theo đó số tiền mà Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng N còn nợ OSC gồm tiền hàng hóa là 872.960.400 đồng (tám trăm bảy mươi hai triệu chín trăm sáu mươi ngàn bốn trăm đồng). Từ ngày 28-02-2020 đến nay, OSC đã nhiều lần yêu cầu Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng N nhanh chóng thực hiện thanh toán nhưng Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng N đã không hợp tác, cố tình kéo dài thời hạn thanh toán.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí OSC khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng N phải thanh toán số nợ 872.960.400 đ (tám trăm bảy mươi hai triệu chín trăm sáu mươi ngàn bốn trăm đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 26-7-2018 đến ngày 31-12-2019 theo Điều 6 "khoản phạt" của Hợp đồng mua bán số 0518/HĐMB-OSC-N ngày 29-5-2018 là 242.042.548đ (hai trăm bốn mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng) và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể ngày Tòa án xét xử.

Đối với Liên danh Nhà Thầu KN, OSC đã có văn bản gửi cho Liên danh Nhà Thầu KN và được biết hiện nay Liên danh Nhà Thầu KN đã thanh toán hết cho Công ty N nên xác định không có liên quan đến khoản nợ của Công ty N. Vì vậy OSC mong muốn Liên danh Nhà Thầu KN hỗ trợ cho OSC trong trường hợp nếu có chi trả khoản tiền nào khác cho Công ty N.

Bị đơn là Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng N do ông Lê Anh T làm Giám đốc:

Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng N do ông Lê Anh T làm Giám đốc không đến Tòa án theo giấy triệu tập nên không thu thập được lời khai.

Theo bản khai của người làm chứng Liên danh Nhà Thầu KN trình bày:

Hợp đồng mua bán được thỏa thuận, ký kết bởi và giữa hai đương sự là N và OSC nhằm tiến hành việc mua bán thép xây dựng phục vụ cho công việc thi công công trình của Nhà thầu phụ. Do đó, Hợp đồng mua bán chỉ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ cũng như chỉ điều chỉnh mối quan hệ giữa các bên trong hợp đồng của N và OSC.

Căn cứ Phụ lục 07, KN sẽ có quyền thanh toán trực tiếp cho Nhà cung cấp với điều kiện:

- Nhà thầu phụ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khối lượng thép xây dựng đã cung cấp bởi Nhà cung cấp trong vòng 07 ngày kể từ ngày Nhà thầu phụ nhận được thanh toán từ Nhà thầu chính cho các hạng mục thép đã hoàn thành và được xác nhận theo các IPC;

- Tại thời điểm đề nghị thanh toán bởi Nhà cung cấp, Nhà thầu phụ phải còn IPC tiếp theo có chứa giá trị của hạng mục thép đã hoàn thành được thanh toán từ Nhà thầu chính; và

- Khoản thanh toán từ Nhà thầu chính cho Nhà cung cấp (nếu có) sẽ không vượt quá giá trị hoàn thành của hạng mục thép trong IPC thanh toán kế tiếp của Nhà thầu phụ.

Liên quan đến giá trị hoàn thành của hạng mục thép, KN đã hoàn tất việc thanh toán toàn bộ giá trị này cho N tại các IPC của N trong năm 2018. Hơn nữa, IPC đính kèm Đề nghị thanh toán ngày 27-12-2018 của N cũng chính là IPC cuối cùng cho các hạng mục công việc mà N có thể hoàn thành theo Hợp đồng thầu phụ. Đến tháng 3/2019, do không có khả năng tiếp tục thực hiện công việc thi công nên N đã có thông báo từ bỏ thi công gửi đến nhà thầu chính.

Như vậy, tại thời điểm KN nhận được thông báo về công nợ giữa N và OSC thông qua Công văn số 57/CV/OSC đề ngày 18-03-2019 của OSC, N đã không còn IPC kế tiếp nào có giá trị của hạng mục thép đã hoàn thành cũng như không còn bất cứ IPC nào để có thể nhận thanh toán từ Nhà thầu chính. Chính vì lẽ đó, căn cứ Phụ lục 07, KN có quyền chứ không có trách nhiệm thực hiện việc khấu trừ và thanh toán trực tiếp cho Nhà cung cấp theo yêu cầu.

Hợp đồng thầu phụ giữa KN và N đã chấm dứt kể từ ngày 16-7-2019 theo Thông báo số KHJV/NT/2019-009 ngày 16-7-2019 và việc chấm dứt Hợp đồng thầu phụ số LTRS/SUB/007 ngày 11-10-2016 đúng theo điều kiện, trình tự, thủ tục của Hợp đồng thầu phụ và quy định pháp luật. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thầu phụ, nhằm hỗ trợ N không bị gián đoạn do vấn đề tài chính và tránh ảnh hưởng đến tiến độ chung của toàn bộ dự án, Nhà thầu chính đã nhiều lần thanh toán các khoản ứng trước cho Nhà thầu phụ. Song tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng thầu phụ, giá trị quyết toán tạm tính đang là giá trị âm

do tổng khoản tiền ứng trước đã vượt quá giá trị hạng mục công việc mà N đã hoàn thành thi công trên thực tế.

Đến thời điểm hiện nay, N vẫn chưa liên hệ làm việc với KN để quyết toán Hợp đồng thầu phụ, hoàn trả lại khoản tiền thanh toán vượt nói trên và bồi thường các thiệt hại phát sinh do hành vi vi phạm hợp đồng thầu phụ của Nhà thầu phụ theo Thông báo số KHJV/NT/2019-009 ngày 16-7-2019 của KN gửi đến N. Vì thế, cho dù Nhà thầu chính có muốn giúp Nhà cung cấp trong trường hợp này cũng không thể được.

Từ những vấn đề nêu trên, cho thấy N không còn bất cứ IPC nào có thể được thanh toán từ KN mà còn đang có khoản công nợ và bồi thường thiệt hại đáng kể chưa thanh toán cho KN. Do đó KN không có nghĩa vụ hay trách nhiệm thanh toán cho công nợ của N liên quan đến khối lượng thép đã cung cấp theo hợp đồng mua bán.

Vì vậy, đề nghị Tòa án không đưa KN vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời xét xử vụ án theo quy định của pháp luật để buộc N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng mua bán cho OSC.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Vụ án thụ lý đúng theo thẩm quyền, Thẩm phán đã tiến hành thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ, còn bị đơn chưa chấp hành đúng quyền nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xác định KN với tư cách chỉ là người làm chứng trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký kết nên đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Thanh Hóa, tuy nhiên tại Điều 7 của Hợp đồng mua bán hai bên có thỏa thuận nếu không tự giải quyết được thì

vụ việc sẽ do Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu giải quyết. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

[1.3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án đã có Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 04/2020/QĐ-UTTA ngày 17-8-2020 cho Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa để thực hiện việc lấy lời khai và tống đạt các văn bản tố tụng cho Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng N đến làm việc nhưng Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng N đều vắng mặt nên không có lời trình bày cũng như không cung cấp được chứng cứ, tài liệu nào để bảo vệ quyền lợi của mình. Tại Biên bản xác minh ngày 03-9-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thì bị đơn không còn hoạt động tại địa chỉ trụ sở chính đã đăng ký kinh doanh nhưng không có thông báo gì cho nguyên đơn biết địa chỉ hoạt động mới. Theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì việc bị đơn cố tình dấu địa chỉ, cố tình không khai báo nên việc Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt đại diện bị đơn là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 3 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Hợp đồng mua bán số 0518/HĐMB-OSC- N ngày 29-5-2018 về việc cung cấp thép xây dựng phục vụ thi công công trình: Lộ Tẻ - Rạch Sỏi thể hiện tại thời điểm giao kết chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, hợp đồng đều do người đại diện theo pháp luật ký kết. Hình thức của hợp đồng được lập bằng văn bản, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của các bên nên xác định hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Căn cứ vào lời khai cũng như các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, thể hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Về phía bị đơn xác nhận đã nhận hàng hóa đầy đủ, đúng chủng loại, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết, bên bán đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định với tổng số tiền là 1.572.960.400 đồng và bị đơn không tranh chấp về hàng hóa. Ngày 20-8-2018 bị đơn thanh toán được 700.000.000đ còn nợ lại 872.960.400 đồng. Theo Biên bản xác nhận công nợ và phương án thanh toán lập ngày 28-2-2020 tại cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa hai bên xác nhận tính đến ngày 31-12-2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tiền 1.115.002.948 đồng, trong đó nợ gốc quá hạn là 872.960.400 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 242.042.548 đồng. Theo nguyên đơn thì kể từ thời điểm xác nhận công nợ đến nay mặc dù bị đơn có cam kết thanh toán trong 3 đợt nhưng vẫn không thực hiện thanh toán nợ cho nguyên đơn. Tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *"Một bên đương sự*

thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án cũng không phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xem như mặc nhiên từ bỏ các quyền và nghĩa vụ chứng minh theo Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Như vậy, khẳng định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 1.115.002.948 đồng và bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50; Điều 55 Luật Thương mại năm 2005 và Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền còn thiếu là có cơ sở để chấp nhận. Xét thấy số tiền 242.042.548 đồng là tiền lãi chậm thanh toán được bị đơn thừa nhận và đồng ý thanh toán nên Hội đồng xét xử không xem xét tính lại tiền lãi.

[2.3] Do Phụ lục số LTRS-SUB -007 KN + N + OSC ngày 20-6-2018 có thể hiện KN nên Tòa án đã đưa Liên danh Nhà Thầu KN tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn và đại diện cho Liên danh Nhà Thầu KN đều khẳng định không có liên quan, không thể hỗ trợ hoặc có trách nhiệm gì trong khoản nợ của bị đơn đối với nguyên đơn nên Hội đồng xét xử xác định Liên danh Nhà Thầu KN là người làm chứng trong vụ án.

[2.4] Về thời hạn thanh toán: Để đảm bảo quyền lợi của OS, Hội đồng xét xử buộc Công ty N thanh toán ngay 1 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về chi phí điều tra, xác minh thu thập chứng cứ là 10.000.000đ (mười triệu đồng), bị đơn phải chịu, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên cần buộc bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí là 45.450.076đ (bốn mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn không trăm bảy mươi sáu đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.700.000đ (hai mươi triệu bảy trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002317 ngày 05-8-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 401, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 24, Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Dịch vụ DK(OSC) về việc " Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" đối với bị đơn Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng N.

Buộc Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng N phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ DK(OSC) tổng số tiền là 1.115.002.548đ (một tỷ một trăm mười lăm triệu không trăm lẻ hai ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là 872.960.400 đ (tám trăm bảy mươi hai triệu chín trăm sáu mươi ngàn bốn trăm đồng) và tiền lãi 242.042.548đ (hai trăm bốn mươi hai triệu không trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí điều tra, xác minh thu thập chứng cứ là 10.000.000đ (mười triệu đồng), Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng N phải nộp, do Công ty TNHH MTV Dịch vụ DK (OSC) đã nộp tạm ứng nên Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng N phải hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ DK(OSC) số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

3. Về án phí:

3.1. Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 45.450.076đ (bốn mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn không trăm bảy mươi sáu đồng).

3.2. Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV Dịch vụ DK(OSC) số tiền 22.700.000đ (hai mươi hai triệu bảy trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002317 ngày 05-8-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 08-12-2020. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Vũng Tàu;
- Chi cục THA DS TP Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Yến Oanh